SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

CẬP NHẬT THÔNG TIN CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CHỈ SỐ VNMITECH

Kỳ tháng 10/2026

Stt	Mã cổ phiếu	Tên Công ty	Khối lượng lưu hành tính chỉ số	Tỷ lệ free-float làm tròn (%)	Giới hạn tỷ trọng vốn hóa (%)	Giới hạn trọng số của cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	CII	CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TPHCM	671,985,291	95%	82.28%	100.00%	
2	CMG	CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC	232,891,908	35%	82.28%	100.00%	
3	CTD	CTCP Xây Dựng Coteccons	111,823,220	55%	82.28%	100.00%	
4	CTR	Tổng CTCP Công trình Viettel	128,109,533	35%	82.28%	100.00%	
5	DCM	CTCP – Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	529,400,000	25%	100.00%	100.00%	
6	DGW	CTCP Thế Giới Số	223,361,000	50%	82.28%	100.00%	
7	DIG	Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây Dựng	844,192,763	100%	82.28%	100.00%	
8	DPG	CTCP Tập đoàn Đạt Phương	118,587,096	55%	82.28%	100.00%	
9	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	679,925,021	40%	100.00%	100.00%	
10	FPT	CTCP FPT	1,885,727,648	85%	47.87%	100.00%	
11	GEE	CTCP Điện lực Gelex	640,499,211	14%	82.28%	100.00%	
12	GEX	CTCP Tập đoàn GELEX	1,308,471,358	70%	82.28%	100.00%	
13	GMD	CTCP Gemadept	649,337,392	95%	82.28%	100.00%	
14	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – CTCP	4,000,000,000	4%	100.00%	100.00%	
15	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	191,840,401	45%	82.28%	100.00%	
16	HDG	CTCP Tập đoàn Hà Đô	406,957,333	50%	82.28%	100.00%	
17	HHV	CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	574,511,888	85%	82.28%	100.00%	
18	HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	8,442,964,520	60%	38.01%	100.00%	
19	HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	807,262,704	60%	100.00%	100.00%	
20	IJC	CTCP Phát triển Hạ Tầng Kỹ Thuật	629,580,640	50%	82.28%	100.00%	
21	LCG	CTCP Lizen	206,602,129	95%	82.28%	100.00%	
22	NKG	CTCP Thép Nam Kim	492,323,961	70%	100.00%	100.00%	
23	PC1	CTCP Tập đoàn PC1	411,285,343	45%	82.28%	100.00%	
24	PET	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí	154,743,759	65%	82.28%	100.00%	
25	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa	243,897,799	35%	100.00%	100.00%	
26	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh	623,399,036	35%	82.28%	100.00%	
27	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1,003,312,808	60%	82.28%	100.00%	
28	VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	698,176,245	55%	82.28%	100.00%	
29	VGC	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	448,350,000	12%	82.28%	100.00%	
30	VJC	CTCP Hàng không Vietjet	769,092,961	50%	79.91%	100.00%	
31	VSC	CTCP Container Việt Nam	374,370,362	95%	82.28%	100.00%	
32	VTP	Tổng CTCP Bưu chính Viettel	201,885,171	40%	82.28%	100.00%	